

UBND PHƯỜNG PHÚC LỢI  
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚC LỢI

**NỘI DUNG ÔN TẬP, KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  
**KHỐI 3 – NĂM HỌC 2025 – 2026**

**I. MÔN TOÁN**

**1. Số và Phép tính:**

- Ôn tập số có 4-5 chữ số, đọc, viết, so sánh số;
- Phép cộng, trừ trong phạm vi 1.000;
- Bảng nhân, chia: 3,4,6,7,8,9;
- Nhân, chia số có hai chữ số (có ba chữ số) với số có một chữ số. Phép chia hết và phép chia có dư.

- Tìm thành phần trong phép tính cộng, trừ, nhân, chia.
- Tính giá trị của biểu thức số. So sánh số lớn gấp mấy lần số bé.

**2. Đo lường:**

- Đơn vị đo độ dài, khối lượng, nhiệt độ, dung tích: mi-li-mét; gam; mi-li-lít; độ C

**3. Hình học:**

- Hình tròn: Tâm, bán kính, đường kính.
- Góc vuông; Góc không vuông.
- Nhận biết hình dạng, đặc điểm, tên gọi: hình tam giác, hình tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật.
- Nhận biết hình dạng, đặc điểm khối lập phương, khối hộp chữ nhật.
- Vận dụng kiến thức toán đã học để tính toán và giải quyết vấn đề thực tế.

**4. Giải toán có lời văn:**

- Gấp một số lên một số lần. Giảm một số đi một số lần.
- Dạng toán hơn kém, tìm một phần mấy của số, giải toán liên quan đến các phép tính cơ bản.
- Bài toán giải bằng 2 bước tính.

**II. MÔN TIẾNG VIỆT**

**1. Đọc:**

- a. Đọc và trả lời câu hỏi có liên quan đến nội dung của các bài đọc từ tuần 10 đến hết tuần 17.

- b. Đọc hiểu văn bản (Văn bản ngoài chương trình)

- 2. Nghe - viết:** Nghe viết một đoạn văn (đoạn thơ) khoảng 65 - 70 chữ trong 15 phút.

**3. Luyện từ và câu:**

- Từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động. Câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm. Từ trái nghĩa. Biện pháp so sánh



- Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến.
- Dấu hai chấm, dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

**4. Luyện viết đoạn:** Viết đoạn văn ngắn theo các nội dung sau:

- Nêu tình cảm, cảm xúc của em đối với một người em yêu quý.
- Tả một đồ vật em yêu thích.

**III. MÔN CÔNG NGHỆ**

- Tự nhiên và công nghệ
- Sử dụng đèn học, quạt điện, máy thu thanh, máy thu hình
- An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình.

**IV. MÔN TIN HỌC**

**A- Lý thuyết**

1. Nêu được ví dụ đơn giản minh họa cho vai trò của thông tin thu nhận hàng ngày với việc ra quyết định của con người. Nhận biết được đâu là thông tin, đâu là quyết định.

2. Nhận biết ba dạng thông tin thường gặp là: chữ, âm thanh, hình ảnh. Nhận ra được trong ví dụ: thông tin thu nhận và được xử lý là gì, kết quả xử lý là hành động hay ý nghĩ gì.

3. Nêu được ví dụ minh họa cho nhận xét: Bộ não của con người là một bộ phận xử lý thông tin.

4. Nêu được ví dụ minh họa cho nhận xét: Cuộc sống quanh ta có những máy tiếp nhận thông tin để quyết định hành động. Nhận ra được trong ví dụ máy xử lý thông tin nào và kết quả xử lý ra sao.

5. Nhận diện, phân biệt được hình dạng của máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh và các thành phần cơ bản của chúng. Nêu được sơ lược về chức năng các bộ phận chính của máy tính.

6. Nhận biết được vị trí các nút chuột và cách cầm chuột đúng. Biết các thao tác cơ bản với chuột.

7. Biết ngồi đúng tư thế khi làm việc với máy tính. Nêu được tác hại của việc ngồi sai tư thế hoặc sử dụng máy tính quá thời gian quy định cho lứa tuổi.

8. Khởi động được máy tính, kích hoạt được phần mềm ứng dụng. Thoát khỏi được hệ thống đang chạy đúng cách. Nêu được ví dụ cụ thể về những thao tác không đúng cách khi sử dụng sẽ gây tổn hại cho các thành phần của máy tính.

9. Biết thực hiện quy tắc an toàn về điện và có ý thức đề phòng tai nạn về điện.

10. Chỉ ra được khu vực chính của bàn phím máy tính và nên được tên các hàng phím.

11. Nêu được ví dụ về thông tin và chương trình giải trí có thể xem được khi truy cập Internet. Nêu được ví dụ thông tin nào đó không có sẵn trong máy



tính đang sử dụng nhưng có thể tìm thấy trên Internet. Biết được không phải thông tin nào trên Internet cũng phù hợp với lứa tuổi.

### **B- Thực hành**

Biết vị trí đặt các ngón tay trên hàng phím cơ sở. Thực hiện các thao tác gõ phím đúng quy định. Biết sử dụng phần mềm **Notepad** để gõ văn bản.

### **V. MÔN TIẾNG ANH**

**1. Phạm vi:** Từ Unit 0 đến Unit 5

#### **2. Kiến thức**

- Unit 0: Greetings (từ vựng: chào hỏi, mệnh lệnh trong lớp học, màu sắc, số, bảng chữ cái; cấu trúc: chào hỏi, hỏi về màu, hỏi về tuổi)

- Unit 1: Family (từ vựng: thành viên gia đình, tính từ miêu tả; cấu trúc: giới thiệu gia đình)

- Unit 2: My school (từ vựng: trường học, đồ dùng học tập; cấu trúc: giới thiệu về trường học, câu hỏi Đúng Sai)

- Unit 3: Animals (từ vựng: con vật; cấu trúc: hỏi và trả lời về con vật)

- Unit 4: My house (từ vựng: phòng, đồ vật trong nhà, đồ chơi; cấu trúc: There is/there are, câu hỏi có hay không có đồ vật trong phòng)

- Unit 5: My clothes (từ vựng: quần áo, tính từ miêu tả; cấu trúc: Tính từ sở hữu, câu trúc về có trang phục gì)

#### **\* Dự kiến lịch kiểm tra định kì cuối học kì I**

Tuần 16: Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ

Tuần 17: Khoa học, Lịch sử và Địa lí

Tuần 18: Toán, Tiếng Việt

Phúc Lợi, ngày 05 tháng 12 năm 2025

**NHÓM TRƯỞNG**

**GIÁO VIÊN TIN HỌC**

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**

**Hoàng Mai Phương**

**Nguyễn Hải Yến**

**Đỗ Thị Thanh Thủy**

**XÁC NHẬN CỦA BGH  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Đào Thị Minh Hạnh**

